

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 5 Điều 211, Điều 212 và Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55; Điều 57; Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý 461/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2025, về việc: “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Ông Đỗ Văn H, sinh năm: 1988;

Địa chỉ: Số nhà E đường L, phường T, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Bà Đoàn Thị L, sinh năm: 1988;

Địa chỉ thường trú: Thôn T, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Thái Bình (nay là thôn T, xã Đ, tỉnh Hưng Yên).

Địa chỉ cư trú: Căn hộ B Tầng B, Tòa S, Khu dân cư và công viên P, số E đường N, Khu phố E, phường L, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do người yêu cầu có nơi cư trú tại phường T, Thành phố Hồ Chí Minh nên theo điểm b khoản 2 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10/11/2025/2025 và Đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân Khu vực 2 – Thành phố Hồ Chí Minh nhận thấy:

- Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 114/2022 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25/10/2022 thì quan hệ hôn nhân của ông Đỗ Văn H và bà Đoàn Thị L là tự nguyện và hợp pháp.

Xét quan hệ hôn nhân của ông Đỗ Văn H và bà Đoàn Thị L không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông bà là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 nên có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Ông Đỗ Văn H và bà Đoàn Thị L xác định có 01 (Một) con chung là trẻ Đỗ Minh H1, sinh ngày 01/11/2022. Ông Đỗ Văn H và bà Đoàn Thị L thống nhất giao con chung Đỗ Minh H1 cho bà Đoàn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông Đỗ Văn H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 (Năm triệu) đồng cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định pháp luật. Thời gian cấp dưỡng thực hiện vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện ngay sau khi quyết định này có hiệu lực pháp luật. Xét đây là sự tự nguyện thỏa thuận giữa các đương sự, không trái đạo đức xã hội, không trái quy định pháp luật nên có cơ sở chấp nhận.

- Về tài sản chung: Ông Đỗ Văn H và bà Đoàn Thị L xác nhận không có.

- Về nợ chung: Ông Đỗ Văn H và bà Đoàn Thị L xác nhận không có.

- Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), ông Đỗ Văn H và bà Đoàn Thị L phải chịu.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Văn H, sinh năm: 1988 và bà Đoàn Thị L, sinh năm: 1988 thuận tình ly hôn.

Quan hệ hôn nhân giữa ông Đỗ Văn H và bà Đoàn Thị L theo Giấy chứng nhận kết hôn số 114/2022 do Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T (nay là phường T), Thành phố Hồ Chí Minh chấm dứt kể từ ngày quyết định này có hiệu lực pháp luật.

- Về con chung: Ông Đỗ Văn H và bà Đoàn Thị L thống nhất giao con chung Đỗ Minh H1, sinh ngày 01/11/2022 cho bà Đoàn Thị L trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục. Ông Đỗ Văn H cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) cho đến khi nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định pháp luật. Thời gian cấp dưỡng thực hiện vào ngày 05 dương lịch hàng tháng, bắt đầu thực hiện ngay sau khi quyết định này có hiệu lực pháp luật.

Các bên tự thực hiện hoặc thi hành tại Chi cục Thi hành án có thẩm quyền.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án mà người phải thi hành án chưa thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định thì hàng tháng người phải thi hành án còn chịu khoản tiền lãi

theo mức lãi suất quy định tại khoản 2, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi; có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Ông Đỗ Văn H và bà Đoàn Thị L xác nhận không có.

- Về nợ chung: Ông Đỗ Văn H và bà Đoàn Thị L xác nhận không có.

2. Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), ông Đỗ Văn H và bà Đoàn Thị L phải chịu, được căn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí ông Đỗ Văn H và bà Đoàn Thị L đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số BLTU/25E 0019698 ngày 25/9/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H. Ông Đỗ Văn H và bà Đoàn Thị L đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:

- TAND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND khu vực 2 – TP. Hồ Chí Minh;
- Thi hành án dân sự TP. Hồ Chí Minh;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Thu Sương